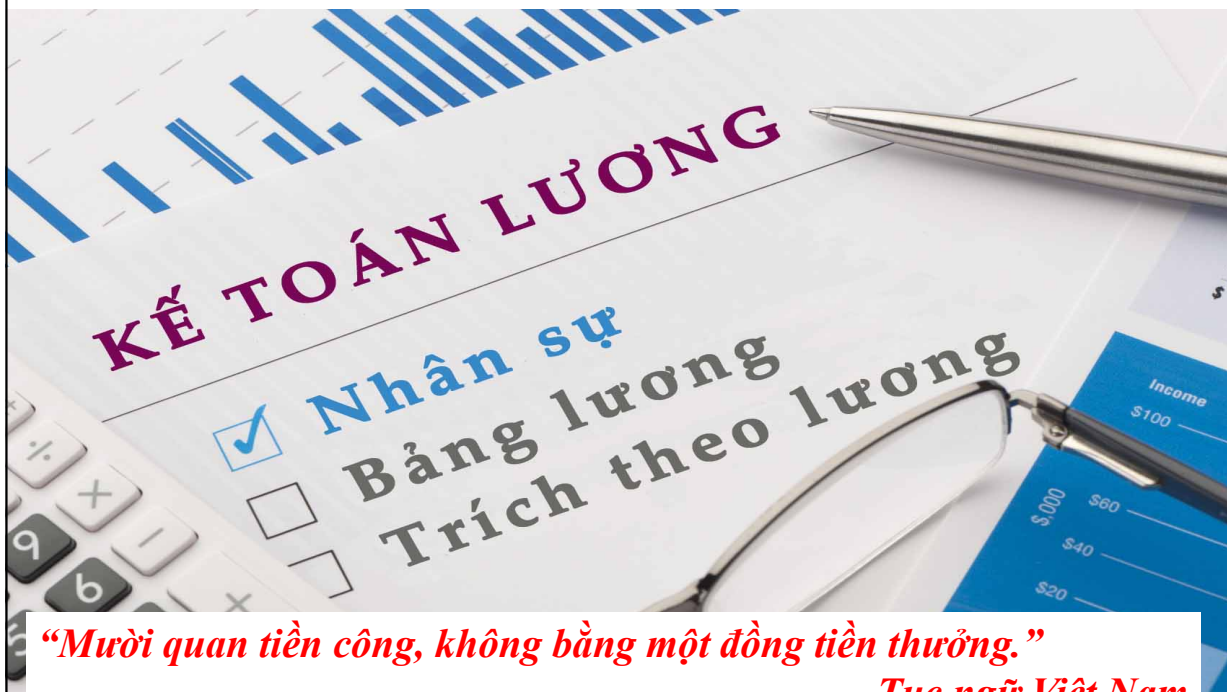


CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG



“Mười quan tiền công, không bằng một đồng tiền thưởng.”

Tục ngữ Việt Nam

❖ Mục đích nghiên cứu

- ✓ *Cung cấp cho người học hiểu những kiến thức về lý luận cơ bản về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp.*
- ✓ *Giúp cho người học có khả năng vận dụng để thu thập xử lý, trình bày thông tin liên quan đến kế toán tiền lương và khoản trích theo lương của doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.*
- ✓ *Vận dụng để giải quyết bài tập tình huống, giúp cho SV khi đến thực tập tại các DN nắm bắt công việc thực tế một cách dễ dàng hơn.*



TS. Lý

❖ *Yêu cầu đối với sinh viên:*

- *Nắm chắc kiến thức cơ bản về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành.*
- *Thực hành tốt (làm các bài tập tình huống và bài tập kèm theo; làm tốt phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các DN)*
- *Tư duy sáng tạo vận dụng vào thực tế công tác sau này.*



TS. Lý Lan Yên - BM KTTT

3

Tài liệu tham khảo

- * *GT Kế toán TC – HVTC (Chương 5).*
- * *Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014*
- * *NĐ152/2006/NĐ - CP ngày 22/12/2006 “HD một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc”*
- * *TT03/2007/TT- Bộ LĐTBXH ngày 30/01/2007 “HD thực hiện một số điều của NĐ 152/2006: HD một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc”*
- * *TT liên tịch số: 09/2009/TTLT-BYT-TC ngày 14/8/2009*
- * *Nghị định số 05/2015/NĐ-CP (điều 3. Tiền lương, điều 21 ...)*
- * *Luật Việc làm số 38/2013/QH13 Ngày ban hành:16/11/2013 có hiệu lực ngày 01/01/2015*
- * *NĐ 28/2015/NĐ-CP QĐ chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BH thất nghiệp.*
- * *Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.*

Tài liệu tham khảo

**** Luật BHYT số: 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008;***

**** Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của QH sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT có hiệu lực từ ngày 01/01/2015; Văn bản hợp nhất của VP Quốc hội số 01/VBHN-VPQH; ND 105/2014 ND – CP ngày 15/11/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT***

**** ND 191/2013/ND-CP ngày ban hành 21/11/2013 Quy định chi tiết về tài chính công đoàn***

**** Quy định tạm thời về thu, phân cấp thu, sử dụng, quản lý nguồn thu kinh phí công đoàn theo Luật công đoàn năm 2012 (Ban hành kèm theo Quyết định số 170/QĐ-TLĐ ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn)***

**** Thông tư 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015, hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định 05/2015/ND-CP: Hướng dẫn cách tính tiền lương làm thêm giờ***

**** QĐ 959/QĐ-BHXH ngày 09/09/2015 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy định về quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN; Quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT***

**** TT200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014***

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

5

❖ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

- 1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**
- 2. Hình thức tiền lương, quỹ tiền lương...**
- 3. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.**

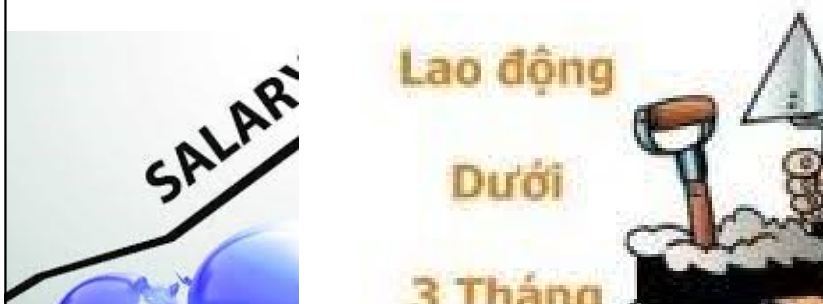


KTTC

6

1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- *Tiền lương (tiền công) là phần thù lao LĐ mà DN trả cho người LĐ theo số lượng và chất lượng LĐ mà họ đóng góp cho DN, để tái sx SLĐ, bù đắp hao phí LĐ của họ trong quá trình SXKD.*
- *Ngoài tiền lương để đảm bảo tái tạo SLĐ và cuộc sống lâu dài của người LĐ theo chế độ hiện hành người LĐ còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp & KPCĐ.*



7

1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

1.1 Khái niệm:

- ✓ **Tiền lương:** Là biểu hiện bằng tiền phần thù lao mà DN trả cho người lao động để tái sản xuất sức lao động bù đắp hao phí sức lao động người lao động đã bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- ✓ **BHXH:** Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội
- ✓ **BHYT:** Tài trợ cho việc khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người lao động
- ✓ **BH thất nghiệp:** Áp dụng bắt buộc đối với người lao động là công dân VN làm việc theo Hợp đồng lao động hoặc HĐ làm việc mà các HĐ này không xác định thời hạn or XD thời hạn đủ từ 12 tháng -> 36 tháng với người sử dụng lao động có từ 10 lao động trở lên.
- ✓ **KPCĐ:** Tài trợ cho hoạt động của tổ chức bảo vệ quyền lợi của người lao động.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

8

1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

1.2 Yêu cầu quản lý:

Xuất phát từ ý nghĩa của tiền lương đối với người lao động

- ✓ Phân loại lao động của DN theo tiêu thức thích hợp (*Quản lý LĐ có nhiều vấn đề, song chủ yếu thể hiện trên các ND sau:*
 - *Quản lý số lượng LĐ: Quản lý về SL người LĐ trên các tiêu thức giới tính, độ tuổi, chuyên môn....*
 - *Quản lý chất lượng LĐ: Sức khỏe LĐ, trình độ tay nghề, ý thức kỷ luật, thời gian, số lượng và chất lượng SP...*
- ✓ Lập kế hoạch quỹ lương phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh
- ✓ Theo dõi việc trích lập và việc chi tiêu các khoản trích theo lương đảm bảo đúng chế độ quy định.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

9

1.3 Phân loại lao động trong DN:



1.4 Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- Tổ chức hạch toán và thu thập đầy đủ, đúng đắn các chỉ tiêu ban đầu theo yêu cầu quản lý về lao động theo từng người lao động, từng đơn vị lao động.
- Tính đúng, tính đủ, kịp thời tiền lương và các khoản có liên quan cho từng người lao động, từng tổ sản xuất, ... đúng chế độ nhà nước, phù hợp với các qui định quản lý của DN.
- Tính toán, phân bổ chính xác, hợp lý chi phí tiền lương, các khoản tích theo lương theo đúng đối tượng liên quan.
- Thường xuyên tổ chức phân tích, cung cấp tình hình sử dụng lao động, quản lý và chi tiêu quỹ tiền lương.



TS. Lý Lan Yên - BM KTTTC

11

2. Hình thức tiền lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương

2.1 Các hình thức tiền lương

- a. Tiền lương theo thời gian
- b. Tiền lương theo sản phẩm

2.2 Quỹ tiền lương

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN



2.1 Các hình thức tiền lương:

a. Tiền lương thời gian:

- **Khái niệm:** là hình thức tiền lương tính theo thời gian làm việc và bậc lương, thang lương của người lao động
- **Cách tính** (tiền lương thời gian giản đơn):

Tiền lương
phải trả
theo thời
gian

=

Thời gian
làm việc
thực tế

*

Mức lương
thời gian
(tuần, ngày,
giờ...)



Thực tế làm 20
Nghỉ ốm 6
Lương 10 tr th
Mức lương TG

Mức lương th
(10/25)

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

13

a. Tiền lương thời gian

* Nhận xét:

6)x20

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính toán

+ Nhược điểm: Chưa gắn tiền lương với kết quả lao động

+ Điều kiện áp dụng: cho nhân viên văn phòng, LĐ gián tiếp, hoặc cho công nhân sản xuất khi chưa xây dựng được định mức lương, đơn giá lương SP



TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

14

2.1 Các hình thức tiền lương:

b. Tiền l-ương sản phẩm:



* **Khái niệm:**

Tiền lương trả theo khối lượng sản phẩm, công việc đã hoàn thành đảm bảo yêu cầu chất lượng qui định và đơn giá tiền tính cho 1 đơn vị sản phẩm, công việc đó

* Cách tính:

**Tiền lương
phải trả
theo sản
phẩm**

=

**Số lượng
sản phẩm
hoàn thành**

*

**Đơn giá
tiền lương
sản phẩm**

- * **Nhận xét:**
- + **Ưu điểm:** *Đảm bảo phân phối theo lao động*
 - + **Nhược điểm:** *Tính toán phức tạp*
 - + **Điều kiện áp dụng:** *tính lương cho CN trực tiếp SX*

2.2 Quỹ tiền lương:

Quỹ tiền lương của DN bao gồm toàn bộ tiền lương tính trả cho người lao động do DN quản lý và chi trả

* **Quỹ tiền l-ương bao gồm:**

- Tiền lương trả theo thời gian, tiền lương trả theo sản phẩm, lương khoán, ...
 - Tiền lương trả cho thời gian công nhân viên ngừng việc đi học, tập tự vệ, hội nghị, nghỉ phép năm...
- Các loại phụ cấp trách nhiệm, tiền ăn ca, làm đêm, làm thêm giờ, phụ cấp độc hại...
- Các khoản tiền thưởng có tính chất thường xuyên,...

Trong công tác hạch toán và phân tích tiền lương có thể chia ra tiền lương chính và tiền lương phụ.

• Tiền lương chính là tiền lương trả cho thời gian người lao động làm nhiệm vụ chính của mình theo nhiệm vụ được giao theo hợp đồng lao động ...

• Tiền lương chính là tiền lương trả cho thời gian người lao động làm nhiệm vụ chính của mình theo nhiệm vụ được giao theo hợp đồng lao động ...

* Tiền lương phụ là tiền lương trả cho người lao động thực hiện các nhiệm vụ khác do doanh nghiệp điều động như hội họp, tập tữ vệ và lương trả cho thời gian công nhân nghỉ phép năm theo chế độ, công nhân sửa chữa sp hỏng...
(Chú ý: TL chính khác tiền lương cơ bản)

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ



❖ **Quỹ BHXH:**

✓ **Mục đích:** **Trợ cấp cho người** lao động mất sức lao động tạm thời & vĩnh viễn.

✓ **Các quỹ thành phần:**

Theo điều 83 của Luật BHXH số 58/QH13, các quỹ thành phần của quỹ BHXH gồm:

1. Quỹ ốm đau và thai sản.
2. Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
3. Quỹ hưu trí và tử tuất.

✓ **Nguồn hình thành quỹ:** (QĐ tại Luật BHXH – điều 82)

1. Người sử dụng lao động đóng theo quy định. (xem điều 86)
2. Người lao động đóng theo quy định. (xem điều 85 và 87)
3. Tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ.
4. Hỗ trợ của Nhà nước.
5. Các nguồn thu hợp pháp khác.

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Trích điều 86: Mức đóng và phương thức đóng của người sử dụng lao động:

1. Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng trên quỹ **tiền lương đóng bảo hiểm xã hội** của người lao động như sau:

- a) 3% vào quỹ ốm đau và thai sản;
- b) 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- c) 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất

Trích điều 85: Mức đóng và phương thức đóng của người lao động

1. Hằng tháng, người lao động đóng 8% mức tiền lương tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

2. ...

3. Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng bảo hiểm xã hội tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.

4. Người lao động quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 của Luật này mà giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì chỉ đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với hợp đồng lao động giao kết đầu tiên.

5. Người lao động hưởng tiền lương theo sản phẩm, theo khoán tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thì mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này; phương thức đóng được thực hiện hằng tháng, 03 tháng hoặc 06 tháng một lần.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Trích Điều 89. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

1. Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội **là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có).**

2. Đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật về lao động.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội **là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động.**

3. Trường hợp tiền lương tháng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cao hơn 20 lần mức lương cơ sở thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bằng 20 lần mức lương cơ sở.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc truy thu, truy đóng tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động, người sử dụng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 122 của Luật này.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

20

Tỷ lệ trích nộp Bảo Hiểm và KPCĐ Năm 2020						
Đối tượng đóng	Tỷ Lệ Đóng Đối Với Khoản					Tổng
	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	ĐPCĐ	
Doanh Nghiệp	17,5%	3%	1%	2%	0	23,5%
Người Lao Động	8%	1,5%	1%	0	1%	11,5%
Tổng Cộng	25,5%	4,5%	2,0%	2,0%	1,0%	35%

đóng BHXH 2020

Mức lương đóng BHXH tối thiểu 2020 cho người lao động đã qua học nghề:	Vùng
$= 4.420.000 + (4.420.000 \times 7\%) = 4.729.400$ đồng/tháng	Vùng 1
$= 3.920.000 + (3.920.000 \times 7\%) = 4.194.400$ đồng/tháng	Vùng 2
$= 3.430.000 + (3.430.000 \times 7\%) = 3.670.100$ đồng/tháng	Vùng 3
$= 3.070.000 + (3.070.000 \times 7\%) = 3.284.900$ đồng/tháng	Vùng 4

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

21

Tỷ lệ trích nộp Bảo Hiểm và KPCĐ Năm 2020						
Đối tượng đóng	Tỷ Lệ Đóng Đối Với Khoản					Tổng
	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	ĐPCĐ	
Doanh Nghiệp	17,5%	3%	1%	2%	0	23,5%
Người Lao Động	8%	1,5%	1%	0	1%	11,5%
Tổng Cộng	25,5%	4,5%	2,0%	2,0%	1,0%	35%

- Quỹ lương: 100 triệu
- Quỹ trích theo lương
- BHXH: 25,5% Người SDLĐ: 17,5% tính vào CP
- Người LĐ 8% trừ lương NLĐ
- BHYT: 4,5% Người SDLĐ 3% tính vào CP
- LĐ 1,5% trừ lương NLĐ
- BHTN 2%: SDLĐ 1% tính vào CP
- LĐ 1% trừ lương
- KPCĐ: 2% SDLĐ 2% tính vào CP

- Tổng tính vào CP: 23,5%
- Trừ lương NLĐ 10,5%
- tổng 4 quỹ 34% 34 triệu

2.3 Quĩ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Ở VN hiện nay: Trích BHXH theo chế độ tài chính cho phép tính vào chi phí 17,5% và trừ vào thu nhập của CNV 8% theo tiền lương đóng BHXH và các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định (Bao gồm: phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có):

(TL đóng BHXH + Phụ cấp theo QĐ) x Tỷ lệ quy định

(TL đóng BHXH + Phụ cấp theo QĐ) x 25,5%

Trong đó:

- 17,5%:** → **Tính vào CP** $100 \times 17,5\%$
- 8%:** **Trừ vào thu nhập của CNV** $(100 \times 8\%)$

(Độc QĐ 959/QĐ-BHXH ngày 09/09/2015 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam)
BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THU BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM
THẤT NGHIỆP; QUẢN LÝ SỔ BẢO HIỂM XÃ HỘI, THẺ BẢO HIỂM Y TẾ)

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ



❖ **Quỹ bảo hiểm y tế:**

- **Nguồn hình thành quỹ:** Là quỹ tài chính được hình thành từ nguồn đóng bảo hiểm y tế và các nguồn thu hợp pháp khác,

- **Mục đích:** Được sử dụng để chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế, chi phí quản lý bộ máy của tổ chức bảo hiểm y tế và những khoản chi phí hợp pháp khác liên quan đến bảo hiểm y tế.

❖ **Mục đích sử dụng quỹ BHYT:**

Quỹ bảo hiểm y tế được sử dụng cho các mục đích sau đây:

- a) Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;
- b) Chi phí quản lý bộ máy tổ chức bảo hiểm y tế theo định mức chi hành chính của cơ quan nhà nước;
- c) Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm y tế theo nguyên tắc an toàn, hiệu quả;
- d) Lập quỹ dự phòng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Quỹ dự phòng tối thiểu bằng tổng chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của hai quý trước liền kề và tối đa không quá tổng chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế của hai năm trước liền kề.

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ



❖ Theo quy định mới:

Tiền lương tháng đóng BHTN là tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thực hiện theo quy định của Luật BHXH

Trường hợp mức tiền lương tháng đóng BHTN cao hơn 20 tháng lương tối thiểu vùng thì áp dụng bằng 20 tháng lương tối thiểu vùng theo quy định tại thời điểm đóng BHTN.

Trích **điều 13 của Luật 46/2014/QH13**

Mức đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế:

- a) Mức đóng hằng tháng của người lao động tối đa bằng 6% tiền lương tháng, trong đó người sử dụng lao động đóng 2/3 và người lao động đóng 1/3.

Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì mức đóng hằng tháng tối đa bằng 6% tiền lương tháng của người lao động trước khi nghỉ thai sản và do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng;

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

❖ **Nguồn hình thành quỹ BHYT:** Được hình thành do trích lập trên mức lương đóng BHXH và các khoản phụ cấp theo quy định tính vào CPSXKD và trừ vào lương của người LĐ

Trích BHYT = TL đóng BHXH & các khoản PC theo QĐ x Tỷ lệ theo QĐ

Hiện nay ở VN: (Độc QĐ 959/QĐ-BHXH ngày 09/09/2015 của Tổng giám đốc BHXH Việt Nam)

Trích BHYT = TL đóng BHXH và các khoản PC theo QĐ x 4,5%

Trong đó: $\begin{cases} 3\%: & \longrightarrow & \text{Tính vào CP} \\ 1,5\%: & \longrightarrow & \text{Trừ vào thu nhập của CNV} \end{cases}$

4,5%: Nộp hết cho cơ quan BHYT

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

27

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

❖ **Quỹ BH thất nghiệp:**

Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

✓ **Mục đích sử dụng:**

Trả trợ cấp thất nghiệp; Hỗ trợ học nghề; Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm; Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; Đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng trợ cấp thất nghiệp; Chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội;

Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng Quỹ

✓ **Nguồn hình thành quỹ:**

(Trích Luật số 38/2013/QH13-Điều 57: Mức đóng, nguồn hình thành và sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp)

1. Người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp.
2. Người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.
3. Nhà nước hỗ trợ tối đa 1% quỹ tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp và do ngân sách trung ương bảo đảm.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

28

2.3 Quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Người lao động thuộc đối tượng thực hiện theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHTN là *tiền lương theo ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)*. Tiền lương này tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm đóng.

Trích BHTN = TL đóng BHXH & PC theo QĐ x Tỷ lệ theo QĐ

Qui định hiện nay ở VN: *Trích BHTN = TL đóng BHXH & PC x 2%*

Trong đó:  *1%: Tính vào CP*
1%: Trừ vào thu nhập của CNV

Hàng tháng, chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng, đơn vị đóng số tiền bằng 1% quỹ tiền lương của những người tham gia BHTN và trích 1% tiền lương của từng người lao động để đóng cùng với BHXH và BHYT vào tài khoản chuyên thu của cơ quan bảo hiểm xã hội mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị đóng trụ sở.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

29

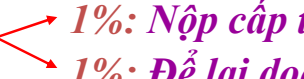
❖ Kinh phí công đoàn: Theo NĐ 191/2013/CP

KPCĐ được hình thành do trích lập trên mức lương đóng BHXH và các khoản phụ cấp theo quy định tính vào CPSXKD

Trích KPCĐ = Tiền lương đóng BHXH & PC theo QĐ x Tỷ lệ theo QĐ

Qui định ở VN:

Trích KPCĐ = Tiền lương đóng BHXH & PC theo QĐ x 2%

Trong đó:  *1%: Nộp cấp trên*
1%: Để lại doanh nghiệp

Trích NĐ 191/2013/CP: Điều 5. Mức đóng và căn cứ đóng kinh phí công đoàn
Mức đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Quỹ tiền lương này là tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

30

Câu hỏi:

1- Trích BHXH, BHYT, BHTN theo...

- a) Tiền lương đóng bảo hiểm và các khoản phụ cấp được hưởng theo QĐ.
- b) Tiền lương thực tế và các khoản phụ cấp được hưởng theo QĐ.
- c) Tiền lương đóng bảo hiểm.

2- Trích kinh phí công đoàn theo tiền lương đóng bảo hiểm và các khoản phụ cấp được hưởng theo QĐ.

- a) Đúng
- b) Sai

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

31

3. Hạch toán lao động, tính lương và trợ cấp BHXH

3.1 Hạch toán lao động

* Nội dung:

Hạch toán lao động là hạch toán

- ✓ Số lượng lao động
- ✓ Thời gian lao động
- ✓ Kết quả lao động



○ *Hạch toán số lượng lao động:*

Hạch toán về mặt số lượng từng loại lao động theo nghề nghiệp, công việc và trình độ tay nghề

Hạch toán về số lượng được thực hiện bằng sổ “Danh sách lao động” của DN

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

32

○ **Hạch toán thời gian lao động:**

Là hạch toán việc sử dụng thời gian LĐ đối với từng CNV ở từng bộ phận SX trong DN

=> Hạch toán thời gian LĐ thường sử dụng “Bảng chấm công”

○ **Hạch toán kết quả lao động:**

Kết quả lao động phụ thuộc vào

Phương tiện lao động

Trình độ tay nghề

Giáo dục tư tưởng

=> Hạch toán kết quả lao động thường sử dụng “Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành.”

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

33

3. Hạch toán lao động, tính lương và trợ cấp BHXH

3.2. Tính tiền lương và trợ cấp bảo hiểm xã hội

- *Tính lương và trợ cấp bảo hiểm xã hội*
- *Kế toán tính lương và trợ cấp BHXH phải trả cho CNV trong DN trên cơ sở:*
 - ✓ *Các chứng từ hạch toán về lao động*
 - ✓ *Các chính sách, chế độ về lương N.nước ban hành*
- *Căn cứ vào các chứng từ ban đầu có liên quan đến tiền lương và trợ cấp BHXH được duyệt, kế toán lập:*
 - ✓ *Bảng thanh toán tiền lương*
 - ✓ *Bảng thanh toán BHXH*
 - ✓ *Bảng kê thanh toán tiền thưởng lập cho từng tổ SX, phòng, ban, bộ phận KD*
- *Tổng hợp phân bổ tiền lương, các khoản tính theo lương:*
Thực hiện trên “Bảng phân bổ tiền lương và BHXH”

Lưu ý: Trợ cấp BHXH phải trả khác trợ cấp trừ vào lương, khác trợ cấp BHXH tính vào chi phí SXKD...

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

34

4 . Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

4.1 Chứng từ sử dụng

4.2 Tài khoản sử dụng

4.3 Trình tự kế toán



4 . Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

4.1 Chứng từ sử dụng:

- ✓ Bảng chấm công
- ✓ Bảng chấm công làm thêm giờ
- ✓ Bảng thanh toán tiền lương
- ✓ Bảng thanh toán tiền thưởng
- ✓ Giấy đi đường
- ✓ Phiếu xác nhận SP hoặc công việc hoàn thành
- ✓ Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ
- ✓ Bảng thanh toán tiền thuê ngoài
- ✓ Hợp đồng giao khoán
- ✓ Biên bản thanh lý (nghiem thu) hợp đồng giao khoán
- ✓ Bảng kê trích nộp các khoản theo lương
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

4.2 Tài khoản sử dụng

TK 334 “Phải trả người lao động”

- ✓ Các khoản tiền lương và các khoản khác đã trả, đã chi, đã ứng trước cho người lao động
- ✓ Các khoản khấu trừ vào tiền lương, tiền công của người lao động

- ✓ Các khoản tiền lương và các khoản khác phải trả, phải chi cho người lao động

(Nếu có) Số đã trả lớn hơn số phải trả cho người lao động

Tiền lương và các khoản khác còn phải trả cho người lao động

Tài khoản cấp 2:

TK 3341: Phải trả công nhân viên

TK 3348: Phải trả người lao động khác

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

37

TK 338 “Phải trả, phải nộp khác”

- ✓ Các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ đã nộp cho cơ quan quản lý
- ✓ BHXH phải trả cho người lao động
- ✓ KPCĐ chi tại đơn vị
- ...

- ✓ Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí sxkd và khấu trừ vào lương của CNV
- ✓ Các khoản thanh toán với CNV về tiền nhà, điện, nước ở tập thể;
- ✓ KPCĐ vượt chi được cấp bù;
- ✓ Số BHXH đã chi trả công nhân viên khi được cơ quan BHXH thanh toán...

(Nếu có) Số BHXH đã chi trả CNV chưa được thanh toán và KPCĐ vượt chi chưa được cấp bù

BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc kinh phí công đoàn được để lại cho đơn vị chưa chi hết;

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

38

TK 338 có các tài khoản cấp 2:

- * 3381 – Tài sản thừa chờ giải quyết
- * 3382 – *Kinh phí công đoàn*
- * 3383 – *Bảo hiểm xã hội*
- * 3384 – *Bảo hiểm y tế*
- * 3385 – Phải trả về cổ phần hóa
- 3386 – *Bảo hiểm thất nghiệp*
- * 3387 – Doanh thu chưa thực hiện
- * 3388 – Phải trả, phải nộp khác

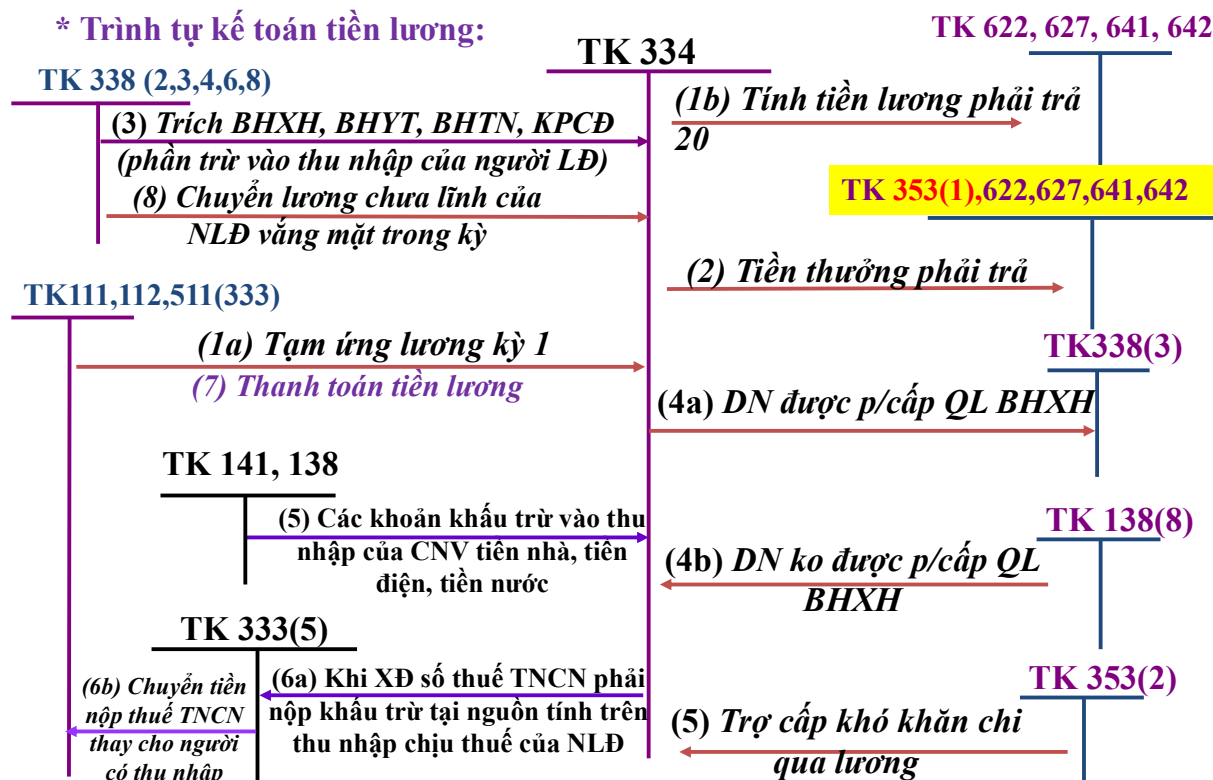


TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

39

4.3 Trình tự kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

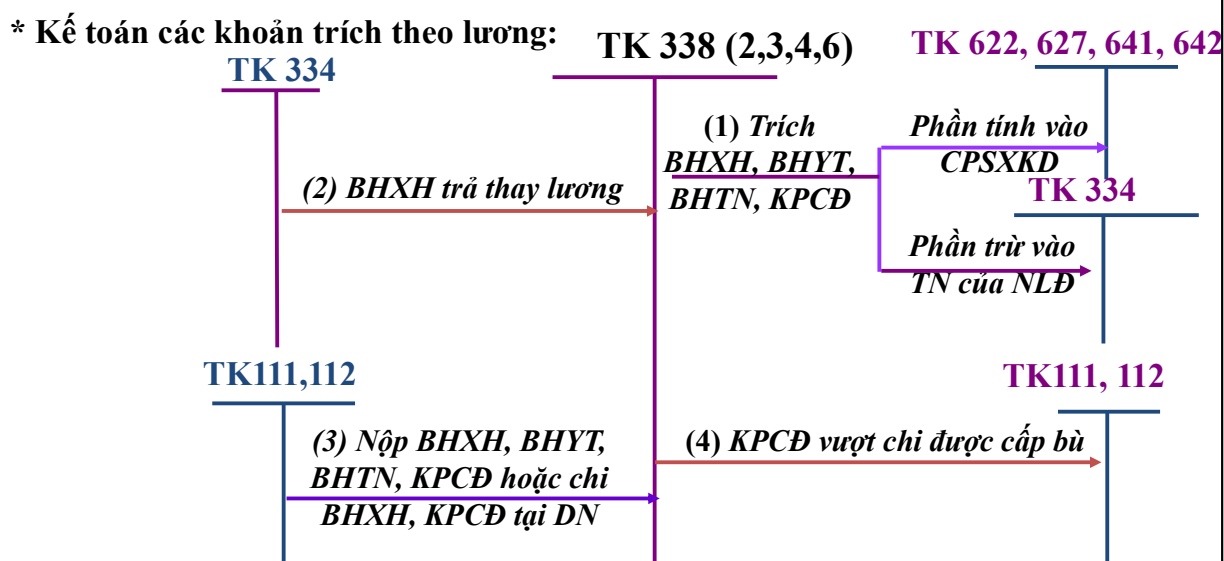
* Trình tự kế toán tiền lương:



TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

40

4.3 Trình tự kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:



TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

41

LƯU Ý:

* Đối với các DN Xây lắp: Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công được hạch toán vào Chi phí sản xuất chung mà không hạch toán vào CPNCTT hay CP sử dụng máy thi công.

Nợ TK 627(1): CPSXC

Có TK 338 (3382;3383;3384;3386)



TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

42

Sổ kế toán và trình bày thông tin liên quan trên BCTC



TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

43



❖ Sổ kế toán và trình bày thông tin liên quan trên BCTC

* Sổ kế toán:

- Theo hình thức kế toán NK-CT:
 - Bảng kê số 4: (Ghi có TK334, 338/Nợ TK622, 627)
 - BK số 5: (Ghi có TK334, 338, 335/Nợ TK641, 642)
 - NK - CT số 7: Ghi có TK334, 338/Nợ TK622, 627
 - NK - CT số 1, NK - CT số 2.....
 - Sổ cái TK334, 338.....
 - SCT TK3341, 3348, 3382, 3383, 3384, 3386....

- Hình thức kế toán NKC: ...
- Hình thức kế toán CTGS: ...

* Trình bày thông tin trên BCTC:

- Trên BCCĐKT: Chỉ tiêu “Phải trả người lao động”
- Trên BCLCTT (PP trực tiếp): Chỉ tiêu “Tiền chi trả cho người lao động”



TS

Đơn vị:.....								Mẫu số 01a - LĐTL				
Địa chỉ:.....								(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
BẢNG CHẤM CÔNG												
Tháng.....năm.....												
STT	Họ và tên	Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ	Ngày trong tháng					Quý ra công				
			1	2	3	31	Số công hưởng lương sản phẩm	Số công hưởng lương thời gian	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 100% lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng ...% lương	Số công hưởng BHXH
A	B	C	1	2	3	31	32	33	34	35	36
Cộng												
Người chấm công (ký, họ tên)								Phụ trách bộ phận (ký, họ tên)		Ngày.....tháng.....năm.... Người duyệt (ký, họ tên)		
Ký hiệu chấm công			Thai sản TS		Nghỉ bù NB							
Lương SP SP			Tai nạn T		Nghỉ không lương KL							
Lương thời gian +			Nghỉ phép P		Ngưng việc NB							
Ôm, điều dưỡng Ô			Hội nghị, H		Lao động nghĩa vụ LD							
Con ốm Cỏ												
TS. Lý Lan Yên - BM KTTC												
45												

Đơn vị:.....								Mẫu số 02- LĐTL											
Địa chỉ:.....								(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)											
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																			
Tháng.....năm.....																			
STT	Họ và tên	Bậc lương	Hệ số	Lương sản phẩm		Lương thời gian		Nghỉ việc		Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tạm ứng kỳ 1	Các khoản				Kỳ II	
				Số SP	Số tiền	Số SP	Số tiền	Số công	Số tiền					BHXH	Thuế phải nộp	Cộng	Số tiền	Ký nhận
A	B									1	2	31	32	33	34	35		
Cộng																			
Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....												Ngày.....tháng.....năm.....							
Người lập biểu (ký, họ tên)				Kế toán trưởng (ký, họ tên)				Giám đốc (ký, họ tên)											
TS. Lý Lan Yên - BM KTTC																			
46																			

Ví dụ: Tại công ty X SP A trong kỳ có tài liệu sau:
(ĐVT: 1.000 đồng)

1/ Tiền lương phải trả cho người lao động trong kỳ:

- Công nhân trực tiếp SXSP: 100.000
- Nhân viên quản lý PX: 20.000
- Nhân viên bán hàng: 10.000
- Nhân viên QLDN: 70.000

**2/ Các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành;
 Giả thiết tiền lương tham gia bảo hiểm bằng tiền lương thực tế phải trả.**

- Yêu cầu:**
- Lập bảng phân bổ lương và BHXH,
 - Tính lương và trích 4 quỹ theo quy định hiện hành.
 - Thanh toán lương cho NLĐ bằng TGNH

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

47

Đơn vị:.....				Mẫu số 11 - LĐTL						
Địa chỉ:.....				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)						
BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI										
Tháng.....năm.....										
S T T	Ghi có TK Đối tượng sử dụng (ghi Nợ)	TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác			TK 335 - Chi phí phải trả	Tổng cộng	
		Lương	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	Kinh phí CĐ	BHXH	BHYT			Cộng Có TK 338 (3382, 3383,3384)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp									
2	- Phân xưởng (sản phẩm)									
3	-									
4	- Phân xưởng (sản phẩm)									
5	-									
6	TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công									
7	-									
8	TK 627 - Chi phí sản xuất chung									
9	- Phân xưởng (sản phẩm)									
10	-									
11	- Phân xưởng (sản phẩm)									
12	-									
13	TK 641 - Chi phí bán hàng									
14	TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp									
15	TK 242 - CP trả trước dài hạn									
16	TK 335 - Chi phí phải trả									
17	TK 241 - XDCB dở dang									
18	TK 334 - Phải trả người lao động									
19	TK 338 - Phải trả, phải nộp khác									
20	TK 3532									
	Cộng									
								Ngày.....tháng.....năm.....		
Người lập								Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)								(Ký, họ tên)		

Căn cứ từ Bảng phân bổ lương và BHXH

a) Lương phải trả người lao động

Nợ TK 622: 100.000

Nợ TK 627 (1): 20.000

Nợ TK 641 (1): 10.000

Nợ TK 642 (1): 70.000

Có TK 334: 200.000

Các khoản	23.5% tính vào CPSX	10,5% trừ vào TN	Cộng
BHXH	$200.000 * 17.5\% =$	$200.000 * 8\% = 16.000$	52.000
BHYT	$200.000 * 3\% = 6.000$	$200.000 * 1,5\% = 3.000$	9.000
BHTN	$200.000 * 1\% = 2.000$	$200.000 * 1\% = 2.000$	4.000
KPCĐ	$200.000 * 2\% = 4.000$	-	4.000
Cộng	48.000	21.000	69.000

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

49

b) Các khoản trích theo lương

Nợ TK 622: 24.000

Nợ TK 627 (1): 4.800

Nợ TK 641 (1): 2.400

Nợ TK 642 (1): 16.800

Nợ TK 334: 21.000

Có TK 338: 69.000

3382: 4.000;

3383: 52.000;

3386: 9.000; 3384: 4.000)

**TS. L
ý Lan Yên - BM KTTC**

50

Các khoản	23.5% tính vào CPSX	10,5% trừ vào TN	Cộng
BHXX	$200.000 * 17.5\% =$	$200.000 * 8\% = 16.000$	52.000
BHYT	$200.000 * 3\% = 6.000$	$200.000 * 1,5\% = 3.000$	9.000
BHTN	$200.000 * 1\% = 2.000$	$200.000 * 1\% = 2.000$	4.000
KPCĐ	$200.000 * 2\% = 4.000$	-	4.000
Cộng	48.000	21.000	69.000

c) Thanh toán lương

Nợ TK 334: 200.000 -21.000

Có TK 111, 112: 200.000 -21.000

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

51



***Bộ môn kế toán Tài chính
chúc các em mạnh khỏe, học tập
tốt!***

Copyright Bộ môn Kế toán Tài chính - Khoa Kế toán - HVTC

TS. Lý Lan Yên - BM KTTC

52